

Bản án số: 22/2023/HNGĐ-ST
Ngày 12 tháng 4 năm 2023
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Hảo;

Bà Nguyễn Thị Phẩm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 19/2023/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2023 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2023/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2023 giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thúy N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Khu 6, xã Phượng L, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện tại: Khu 6, xã Hùng L, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

- Bị đơn: Anh Lê Mạnh C, sinh năm 1992.

Nơi thường trú: Khu 6, xã Phượng L, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

Hiện đang ở nước ngoài.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Khu 5, xã Hùng L, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị N, bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh C vắng mặt lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/12/2022 và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thúy N trình bày: Chị và anh Lê Mạnh C kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/10/2015 tại Ủy ban nhân dân xã Hùng L, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ; Khi kết hôn anh C là bộ đội biên phòng thuộc Đồn biên phòng Bản M - Ban chỉ huy bộ đội biên phòng tỉnh Hà Giang. Cuộc sống vợ chồng chỉ hòa thuận một thời gian ngắn kể từ khi kết hôn rồi thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do khác biệt về lối sống, về quan điểm sống, về cách nuôi dạy con cái. Mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo, góp ý nhiều nhưng không kết quả. Mâu thuẫn vợ chồng càng trở nên trầm trọng khi anh C xuất ngũ về địa phương vào năm 2021. Do hôn nhân quá bế tắc, vợ chồng không còn tiếng nói chung nên đầu năm 2022, anh C đã đi xuất khẩu lao động tại Nhật Bản. Trước khi sang Nhật, ngày 20/01/2022, anh C đã viết sẵn một đơn xin ly hôn để lại cho chị. Kể từ khi anh C sang Nhật Bản đến nay vợ chồng không thường xuyên liên lạc, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm đến ai. Chị N thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng là rất trầm trọng, không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy chị đề nghị được ly hôn với anh Lê Mạnh C.

- *Về con chung:* Vợ chồng có hai con chung là các cháu: Lê Hà M, sinh ngày 15/9/2016; Lê Minh Đ, sinh ngày 04/8/2020. Hiện các cháu đang ở với chị. Sau ly hôn chị xin được trực tiếp nuôi cả hai cháu, không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, công nợ chung, công sức đóng góp:* Vợ chồng không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị N xin tự nguyện chịu toàn bộ.

Phía bị đơn: Anh Lê Mạnh C hiện đang ở nước ngoài thể hiện tại công văn số: 314/QLXNC-P5 ngày 05/01/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh C đã xuất cảnh ngày 24/8/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Do chị N không biết địa chỉ của anh C ở đâu tại nước ngoài nên Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị H là mẹ của anh C và được bà H cung cấp như sau: Hiện tại anh C đang ở Nhật Bản địa chỉ cụ thể bà không biết. Nhưng gia đình và anh C vẫn thường xuyên liên lạc qua điện thoại Zalo, Facebook, bà H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh C và yêu cầu bà cung cấp địa chỉ của anh C ở nước ngoài, bà đã thông báo cho anh C biết xong anh C không cung cấp địa chỉ cho bà để cung cấp cho Tòa án. Thông qua điện thoại bà đã trao đổi nội dung chị N xin ly hôn anh C và anh C nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Bà H xác định chị N và anh C có hai con chung là cháu Lê Hà M, sinh ngày 15/9/2016 và cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 04/8/2020. Hiện nay hai cháu đều do chị N trực tiếp chăm sóc, anh C đang ở nước ngoài không thể trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu được nên anh C đồng ý cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là cháu M và cháu Đ, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo đúng quy định trình tự của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề nghị hội đồng xét xử: Căn cứ các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, khoản 4 Điều 147 BLTTDS và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của UBTVQH.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Thúy N. Chị Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn với anh Lê Mạnh C.

- Về con chung:

Giao cho chị N nuôi dưỡng 02 con chung là Lê Hà M, sinh năm 15/9/2016 và Lê Minh Đ, sinh năm 04/8/2020 kể từ khi ly hôn đến khi từng cháu thành niên. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu. Anh C vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Chị N tự nguyện chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn anh Lê Mạnh C đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Phượng L, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ. Theo Công văn số: 314/QLXNC-P5 ngày 05/01/2023 của Cục quản lý xuất nhập cảnh Bộ công an xác định anh C đã xuất cảnh ngày 24/8/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Căn cứ khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Trong vụ án này anh C không có mặt ở Việt Nam nên Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 2 điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do vậy Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng với quy định của pháp luật.

Chị N đề nghị xin ly hôn với anh C và chỉ cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam của anh C mà không cung cấp được địa chỉ anh C ở chỗ nào tại nước ngoài, Tòa án đã thông qua thân nhân của anh C là bà Nguyễn Thị H là mẹ của anh C thì thấy gia đình đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không biết địa chỉ cụ thể của anh C ở đâu tại nước ngoài, bản thân anh C không cung cấp địa chỉ mặc dù đã được bà H thông báo. Căn cứ công văn

số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn nên cần xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Tại phiên tòa chị N, bà H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy N và anh Lê Mạnh C kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2015 tại UBND xã Hùng L, thành phố Việt T, tỉnh Phú Thọ, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa chị N và anh C có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân chủ yếu là quan điểm sống không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C. Mặc dù anh C không có lời khai xong thông qua bà H là mẹ của anh C cung cấp quan điểm của anh C cũng nhất trí ly hôn với chị N. Bản thân anh C cũng có đơn xin ly hôn chị N, nhưng chưa gửi đến Tòa án. Do vậy, có căn cứ để xác định tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh C đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xử cho chị N được ly hôn anh C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị N và anh C có 02 con chung là cháu Lê Hà M, sinh ngày 15/9/2016 và cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 04/8/2020. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung. Chị N không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng. Phía bà H còn cung cấp thông tin phía anh C cũng đồng ý quan điểm nuôi con chung của chị N.

Xét thấy: Nguyên vọng của chị N được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung, hiện cháu M và cháu Đ đang ở với chị N. Thông qua bà H cung cấp thông tin anh C cũng nhất trí cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung nên giao cháu Lê Hà M và cháu Lê Minh Đ cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp.

Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Chị N không đề nghị Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị N phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82, điều 83 và điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 3 điều 35, điểm a khoản 1 điều 37; điểm a khoản 1 điều 39; khoản 2 điều 207; điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228; khoản 1, 2 điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thúy N được ly hôn anh Lê Mạnh C.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Thúy N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con chung là cháu Lê Hà M, sinh ngày 15/9/2016 và cháu Lê Minh Đ, sinh ngày 04/8/2020. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng.

Anh C có quyền, nghĩa vụ nghĩa vụ trông nom, thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3]. Về tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp của vợ chồng: Không đặt ra xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thúy N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị N đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0000410 ngày 31/01/2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

[5]. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Dương sự có mặt tại Việt Nam có quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án để đề nghị Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Dương sự cư trú ở nước ngoài có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (Một) tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- Các đương sự;
- UBND xã Phượng L;
- UBND xã Hùng L;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Anh Tuấn